DỰ THẢO

QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

(Ban hành kèm theo Quyết định số...../2024/QĐ-HĐQT ngày ...../...../2024 của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương tín – Vietbank)

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

   Quy chế này quy định về cơ cấu tổ chức, nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, chức năng nhiệm vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương tín (Vietbank) nhằm hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng:

   Quy chế này được thống nhất áp dụng trong toàn hệ thống Vietbank, bao gồm Hội sở, Chi nhánh, các đơn vị trực thuộc, công ty con của Vietbank.

Điều 2. Giải thích từ ngữ và (các) từ ngữ viết tắt

Trong Quy chế này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Vietbank hay Ngân hàng:* Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương tín.
2. *Người quản lý Ngân hàng* bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng.
3. *Người điều hành Ngân hàng* bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh và các cá nhân giữ chức danh điều hành khác theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng.
4. *Cổ đông lớn của Ngân hàng* là cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng, bao gồm cả số cổ phần cổ đông đó sở hữu gián tiếp.
5. *Người có liên quan là tổ chức, cá nhân* được quy định tại khoản 24 Điều 4 của Luật Các Tổ chức tín dụng, khoản 45 Điều 4 Luật Chứng khoán và khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.
6. *Văn hóa kiểm soát* là giá trị văn hóa doanh nghiệp của Ngân hàng thể hiện sự nhận thức thống nhất về tầm quan trọng của hoạt động kiểm soát và quản trị rủi ro của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các cá nhân, bộ phận. Văn hóa kiểm soát được hình thành thông qua chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, quy định nội bộ, chế độ khen thưởng, kỷ luật nhằm khuyến khích, đảm bảo các cá nhân, bộ phận chủ động nhận diện, kiểm soát rủi ro trong hoạt động của mình và hoạt động của Ngân hàng.
7. *Giám sát của quản lý cấp cao* là việc giám sát của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc đối với kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, đánh giá nội bộ về mức đủ vốn và giám sát của Ban kiểm soát của Ngân hàng đối với kiểm toán nội bộ.

8. *Đánh giá nội bộ về mức đủ vốn* là việc tự đánh giá mức đủ vốn đảm bảo tuân thủ quy định của Ngân hàng Nhà nước về tỷ lệ an toàn vốn và đạt được yêu cầu đề ra của Ngân hàng.

9. *Công ty con của Ngân hàng* là công ty thuộc một trong các trường hợp được quy định tại khoản 9 Điều 4 Luật Các Tổ chức tín dụng.

10. *Pháp luật* là tất cả các luật, pháp lệnh, nghị định, quy định, thông tư, quyết định và các văn bản pháp luật khác được các cơ quan Nhà nước Việt Nam ban hành theo từng thời kỳ liên quan đến các hoạt động ngân hàng.

11. *Điều lệ Ngân hàng* là Điều lệ được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ngày 26/4/2024 và các bản sửa đổi, bổ sung, thay thế Điều lệ này (nếu có).

12. *Luật Các tổ chức tín dụng* là Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 18 tháng 01 năm 2024.

13. *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020.

14. *Quy chế quản trị nội bộ của Ngân hàng* là Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Vietbank được Đại hội đồng cổ đông thông qua và ban hành trong từng thời kỳ.

Trong Quy chế này, bất kỳ dẫn chiếu nào tới bất cứ quy định hoặc văn bản pháp luật nào sẽ bao gồm cả những văn bản sửa đổi hoặc văn bản pháp luật thay thế.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của HĐQT

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Ngân hàng.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1
CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 4. Thành phần và nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị của Ngân hàng có không ít hơn 05 (năm) thành viên và không quá 11 (mười một) thành viên. Số lượng thành viên của từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Hội đồng quản trị phải phải có tối thiểu 02 thành viên độc lập, 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên phải là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành ngân hàng. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia Hội đồng quản trị nhưng không được vượt quá 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước, bên nhận chuyển giao bắt buộc.

CHƯƠNG II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1.
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Ngân hàng.

2. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên trong thời hạn 04 (bốn) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị có quyền quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Việc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

   Thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát phải tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để trả lời các câu hỏi của cổ đông tại cuộc họp (nếu có); trường hợp bất khả kháng không tham dự được, thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát phải báo cáo bằng văn bản với Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Ngân hàng có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Ngân hàng phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Ngân hàng dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

3. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 4 Quy chế này.

4. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi Chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

5. Đại hội đồng cổ đông có nhiệm vụ và quyền hạn:

   a. Thông qua định hướng phát triển của Ngân hàng;

   b. Thông qua Điều lệ, sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Ngân hàng;

   c. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

   d. Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát từng nhiệm kỳ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát phù hợp với các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng;

   e. Quyết định mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

   f. Xem xét và xử lý theo thẩm quyền vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Ngân hàng và cổ đông của Ngân hàng;

   g. Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý của Ngân hàng;

h. Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ; thông qua phương án chào bán cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;

i. Thông qua việc mua lại cổ phần đã bán;

j. Thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi;

k. Thông qua phương án theo quy định tại Điều 143 Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2024;

l. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; phương án phân phối lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của Ngân hàng;

m. Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao;

n. Quyết định thành lập hoặc chuyển đổi các hình thức pháp lý hiện diện thương mại ở nước ngoài, công ty con của Ngân hàng;

o. Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của Ngân hàng tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

p. Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của Ngân hàng mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

q. Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa Ngân hàng với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn, người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn của Ngân hàng; công ty con, công ty liên kết của Ngân hàng;

r. Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản Ngân hàng;

s. Quyết định giải pháp khắc phục biến động lớn về tài chính của Ngân hàng;

t. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập theo quy định tại Điều 59 Luật Các TCTD; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Ngân hàng, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;

u. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng, Quy chế này và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

6. Các nội dung đã được thông qua tại các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trước đó chưa được triển khai thực hiện hoặc đang triển khai thực hiện, Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp thường niên gần nhất. Trường hợp có thay đổi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông gần nhất thông qua trước khi thực hiện.

Điều 4. Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông:

   a. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

   i. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Ngân hàng;

   ii. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng;

   iii. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Ngân hàng;

   iv. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

   v. Quyết định nội dung theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng đến an toàn của Ngân hàng.

   vi. Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

   b. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại tiết (i), (ii) điểm a khoản này hoặc nhận được yêu cầu triệu tập họp quy định tại tiết (iii), (iv) điểm a khoản này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Ngân hàng.

   c. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Ngân hàng.

   d. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Ngân hàng có quyền đại diện Ngân hàng triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Ngân hàng hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

2. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông:

   a. Việc công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông phải được thực hiện tối thiểu 20 (hai mươi) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

   b. Trình tự, thủ tục và thời điểm công bố thông tin được thực hiện theo quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành.

3. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông:

a. Thông báo và tài liệu phải được gửi chậm nhất 21 (hai mươi mốt) ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ, trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

b. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi kèm chương trình họp và các tài liệu, thông tin hợp lý về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Thông báo họp và tài liệu phục vụ Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi bằng phương thức bảo đảm qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp. Trong trường hợp là nhân viên của Ngân hàng, thông báo có thể được gửi tới từng cá nhân trong các phong bì dán kín tại nơi làm việc.

c. Thông báo về Đại hội đồng cổ đông sẽ được đăng trên trang thông tin điện tử (website) của Ngân hang và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Ngân hang đăng ký giao dịch đồng thời với việc gửi cho các cổ đông. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội sẽ được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng. Trong trường hợp chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan không được gửi kèm Giấy mời họp, Giấy mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông tiếp cận, tải tài liệu.

4. Lập danh sách cổ đông, ủy quyền tham dự Đại hội và cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông:

a. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông:

i. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên Sổ đăng ký cổ đông của Ngân hàng. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập khi có quyết định triệu tập và được lập xong không sớm hơn 05 (năm) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.

ii. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

b. Ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông:

i. Cổ đông là cá nhân, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức trực tiếp hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông không được ủy quyền lại cho một người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông và không được tham gia ứng cử với tư cách cá nhân mình. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo uỷ quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.

ii. Việc ủy quyền cho một người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi và thời hạn ủy

quyền. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp. Hội đồng quản trị có trách nhiệm quy định cụ thể thủ tục ủy quyền và nội dung cần thiết trong văn bản ủy quyền, nhưng phải có các yếu tố sau:

- Trường hợp cổ đông là cá nhân thì văn bản ủy quyền phải ghi rõ: Họ tên người ủy quyền, địa chỉ thường trú, số chứng minh thư nhân dân/Thẻ căn cước công dân, số cổ phần và loại cổ phần đang sở hữu, nội dung và mục đích ủy quyền; họ tên người được ủy quyền, địa chỉ thường trú và số chứng minh thư nhân dân/Thẻ căn cước công dân của người được ủy quyền, địa chỉ, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Quyết định thành lập, số chứng minh thư nhân dân/Thẻ căn cước công dân của người đại diện đối với bên nhận ủy quyền là tổ chức; người ủy quyền phải ký tên và ghi rõ họ tên của mình.
- Trường hợp cổ đông là tổ chức thì văn bản ủy quyền phải ghi rõ: Tên tổ chức, địa chỉ, họ tên và số chứng minh thư nhân dân/Thẻ căn cước công dân của người ủy quyền (người đại diện số vốn góp cổ phần của tổ chức), số cổ phần và loại cổ phần đang sở hữu, nội dung và mục đích ủy quyền; người được ủy quyền phải ký tên và ghi rõ họ tên của mình và đóng dấu của tổ chức. Trường hợp chữ ký của người ủy quyền chưa có thẩm quyền được đóng dấu thì phải được đại diện có đủ thẩm quyền của tổ chức ký tên, đóng dấu để xác nhận đó là chữ ký của người ủy quyền.

iii. Phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc uỷ quyền;
- Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.

Quy định tại tiết này sẽ không áp dụng trong trường hợp Ngân hàng nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên 24 (hai mươi bốn) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

c. Cách thức đăng ký dự họp Đại hội đồng cổ đông:

i. Việc đăng ký dự họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện trực tiếp vào ngày tiến hành Đại hội đồng cổ đông khi Cổ đông hoặc người được ủy quyền của cổ đông tham dự họp Đại hội đồng cổ đông;

ii. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, thủ tục đăng ký cổ đông phải được tiến hành nhằm bảo đảm các cổ đông có quyền dự họp được đăng ký. Cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông phải làm thủ tục đăng ký, ký tên vào Sổ chữ ký có nêu rõ số cổ phần và loại cổ phần của mình. Cổ đông sở hữu cổ phiếu không ghi tên phải trình cổ phiếu của mình và số hiệu cổ phiếu đó phải được ghi vào Sổ chữ ký;

iii. Các cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội, nhưng chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội đó để cho những cổ đông này đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.

d. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

i. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

ii. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết, tại cuộc họp;

iii. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;

iv. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ Ngân hàng.

5. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông:

a. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên có quyền kiến nghị các vấn đề cần đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Ngân hàng chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, số và ngày đăng ký cổ đông tại Ngân hàng, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp thuận và đưa kiến nghị trên vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản điểm c khoản này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

c. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại điểm b khoản này thì chậm nhất là 02 (hai) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

i. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại điểm b khoản này;

ii. Vào thời điểm kiến nghị, Cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên theo quy định;

iii. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

iv. Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng.

6. Điều kiện tiến hành Đại hội:

a. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) số cổ phần có quyền biểu quyết.

b. Trường hợp, không đủ điều kiện về tỷ lệ đại diện số cổ phần có quyền biểu quyết cần thiết tham dự họp trong vòng 60 (sáu mươi) phút kể từ thời điểm dự định họp thì Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% (năm mươi mốt phần trăm) số cổ phần có quyền biểu quyết.

c. Trường hợp Đại hội đồng cổ đông lần hai không đủ điều kiện về tỷ lệ đại diện số cổ phần có quyền biểu quyết cần thiết tham dự họp trong vòng 60 (sáu mươi) phút kể từ thời điểm dự định họp, thì Đại hội đồng cổ đông lần ba được triệu tập họp trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ hai dự định khai mạc. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp, tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể quyết định một cách hợp lệ.

7. Cách thức bỏ phiếu, hình thức thông qua nghị quyết:

a. Khi tiến hành đăng ký, Ngân hàng sẽ cấp cho mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp thẻ biểu quyết; phiếu biểu quyết và (hoặc) phiếu bầu trên đó có ghi số đăng ký, tên của cổ đông và người đại diện ủy quyền và số phiếu biểu quyết mà cổ đông đó có.

b. Việc biểu quyết các vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông bằng Thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết hoặc phiếu bầu tùy theo từng vấn đề cần xin ý kiến cổ đông và được quy định cụ thể tại Quy chế tiến hành Đại hội đồng cổ đông do Đại hội đồng cổ đông thông qua.

8. Cách thức kiểm phiếu:

a. Việc kiểm phiếu biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông sẽ do Ban kiểm phiếu thực hiện. Ban kiểm phiếu sẽ do Đại hội đồng cổ đông bầu trên cơ sở đề nghị của Chủ tọa Đại hội.

b. Trường hợp biểu quyết bằng thẻ biểu quyết, việc kiểm phiếu sẽ được thực hiện bằng cách thu số thẻ tán thành một quyết định và sau đó thu số thẻ phủ quyết quyết định đó, và sau đó đếm tổng số phiếu biểu quyết.

c. Trường hợp biểu quyết bằng phiếu biểu quyết: việc kiểm phiếu sẽ được thực hiện theo tổng số phiếu tán thành, tổng số phiếu không tán thành, tổng số phiếu không có ý kiến và tổng số phiếu không hợp lệ.

d. Trường hợp biểu quyết bằng phiếu bầu: việc kiểm phiếu sẽ được thực hiện theo việc kiểm phiếu sẽ được thực hiện theo tổng số phiếu tán thành và tổng số phiếu không hợp lệ.

9. Điều kiện để Nghị quyết được thông qua:

Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi:

a. Trừ trường hợp được quy định tại điểm b, điểm c khoản này, quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp khi được số cổ đông đại diện trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận;

b. Đối với quyết định sau đây phải được số cổ đông đại diện trên 65% (năm mươi mốt phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận:

i. Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ; thông qua phương án chào bán cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán;

ii. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần từng loại;

iii. Quyết định thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

iv. Quyết định đầu tư, mua, bán tài sản của Ngân hàng có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) trở lên so với vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

v. Quyết định thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Ngân hàng;

vi. Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản Ngân hàng.

c. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Ngân hàng.

10. Thông báo kết quả kiểm phiếu:

a. Kết quả kiểm phiếu sẽ được thể hiện bằng Biên bản kiểm phiếu có sự xác nhận của Ban kiểm phiếu và đại diện cổ đông giám sát kiểm phiếu.

b. Biên bản kiểm phiếu sẽ được đại diện Ban kiểm phiếu công bố công khai trước Đại hội đồng cổ đông.

11. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông:

a. Đối với các trường hợp thông qua quyết định về các vấn đề: tổ chức lại Ngân hàng hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Ngân hàng, các cổ đông phản đối quyết định này có quyền:

i. Thể hiện ý kiến của mình trên Phiếu biểu quyết tại Đại hội cổ đông;

ii. Yêu cầu Ngân hàng mua lại cổ phần của mình. Thủ tục yêu cầu thực hiện theo quy định tại điểm b khoản này.

b. Cổ đông phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông nêu tại điểm a khoản này gửi yêu cầu bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Ngân hàng mua lại cổ phần. Yêu cầu phải được gửi đến Hội đồng quản trị Ngân hàng trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về tổ chức lại Ngân hàng hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Ngân hàng.

12. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông:

a. Tất cả các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của Ngân hàng đều phải ghi Biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Thư ký cuộc họp lập và phải bao gồm tối thiểu các nội dung quy định tại điểm b khoản này.

b. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể thêm bằng tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau, trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng. Biên bản có các nội dung chủ yếu sau đây:

i. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Ngân hàng;

ii. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

iii. Chương trình và nội dung cuộc họp;

iv. Đại biểu tham dự, họ tên chủ tọa và thư ký;

v. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

vi. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

vii. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

viii. Các vấn đề được thảo luận, các quyết định được Đại hội đồng cổ đông thông qua, tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng và những vấn đề còn tồn đọng;

ix. Tên và chữ ký của Chủ tọa và Thư ký.

c. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp và phải được gửi đến cho tất cả các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Ngân hàng. Biên bản sẽ là bằng Biên bản sẽ là bằng Biên bản sẽ là bằng chứng cho các nội dung công việc đã được thực hiện tại Đại hội đồng cổ đông.

13. Công bố nghị quyết Đại hội đồng cổ đông:

a. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông qua và công bố trước Đại hội đồng cổ đông trước khi kết thúc Đại hội đồng cổ đông.

b. Ngân hàng phải thực hiện công bố thông tin về Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

c. Trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp, tất cả các quyết định được Đại hội đồng cổ đông thông qua phải được gửi cho Ngân hàng Nhà nước đồng thời gửi cho các cổ đông theo địa chỉ đăng ký với Ngân hàng.

14. Hiệu lực của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông:

a. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó;

b. Các quyết định được thông qua với số cổ đông trực tiếp và ủy quyền tham dự đại diện 100% (một trăm phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả

khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.

c. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 15 Điều này, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

15. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông:

Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 14 Điều này;

b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Ngân hàng.

Điều 5. Trình tự, thủ tục lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản

1. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông có thể được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản với điều kiện phải được sự đồng ý tán thành bằng văn bản của các cổ đông đại diện trên 50% (năm mươi phần trăm) số cổ phần có quyền biểu quyết của Ngân hàng, ngoại trừ các vấn đề sau phải được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a. Thông qua định hướng phát triển của Ngân hàng;

b. Loại cổ phần và tổng số cổ phần từng loại;

c. Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát từng nhiệm kỳ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát phù hợp với các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng;

d. Xem xét và xử lý theo thẩm quyền vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Ngân hàng và cổ đông của Ngân hàng;

e. Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản Ngân hàng.

2. Thẩm quyền lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản: Hội đồng quản trị quyết định việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và các vấn đề cần lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng.

3. Danh sách cổ đông lấy ý kiến bằng văn bản được lập theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Quy chế này.

4. Thư ký Hội đồng quản trị chuẩn bị tài liệu lấy ý kiến có nội dung liên quan đến nội dung cần lấy ý kiến, bao gồm:

a. Phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải có tối thiểu các nội dung sau:

i. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Vietbank;

ii. Mục đích lấy ý kiến;

iii. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

iv. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;

v. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

vi. Thời hạn phải gửi về Ngân hàng phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

vii. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị của Ngân hàng;

b. Tờ trình cần lấy ý kiến và các tài liệu liên quan.

c. Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

5. Gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu liên quan:

a. Phiếu lấy ý kiến và các tài liệu liên quan đến vấn đề cần xin ý kiến biểu quyết được gửi tới cổ đông theo quy định tại điểm b khoản này, trong đó quy định ngày phải gửi trả lại ("Ngày hoàn trả") các tài liệu đó (nếu cần) kèm văn bản nêu rõ ý kiến biểu quyết của cổ đông cho Ngân hàng và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 (mười) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.

b. Phiếu lấy ý kiến và các tài liệu liên quan có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi bằng phương thức bảo đảm qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp. Trong trường hợp là nhân viên của Ngân hàng, thông báo có thể được gửi tới từng cá nhân trong các phong bì dán kín để tại nơi làm việc.

6. Gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời:

a. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Ngân hàng theo một trong các hình thức sau đây:

i. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Ngân hàng phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

ii. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Ngân hàng qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

b. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Ngân hàng sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

7. Kiểm phiếu:

a. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Ngân hàng.

b. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

i. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;

ii. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

iii. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, phương thức gửi phiếu biểu quyết kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

iv. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

v. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết tương ứng;

vi. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

c. Biên bản kết quả kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu hặc có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng.

d. Việc công bố thông tin về Biên bản kiểm phiếu, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

e. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, Biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng.

8. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có giá trị như Nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông trực tiếp biểu quyết thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Việc yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại khoản 15 Điều 5 Quy chế này.

Điều 6. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tuyến

1. Trong trường hợp xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị có thể tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức trực tuyến. Trình tự, thủ tục họp được thực hiện theo quy định tại Quy chế này, Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức trực tuyến và các hướng dẫn cụ thể của Hội đồng quản trị.

2. Thông báo về việc chốt danh sách và lập danh sách tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến:

Thông báo về việc chốt danh sách và lập danh sách cổ đông tham dự Đại hội trực tuyến được thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 4 Quy chế này.

3. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông trực tuyến:

a. Thông báo triệu tập Đại hội cổ đông trực tuyến thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Quy chế này.

b. Khi gửi Thư mời tham dự Đại hội cho cổ đông, người triệu tập Đại hội phải gửi kèm theo văn bản có nội dung hướng dẫn xác nhận tư cách cổ đông đến từng cổ đông.

c. Ban tổ chức Đại hội trực tuyến thông báo các tài liệu, hướng dẫn, quy định đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử và các thông tin cần thiết khác cho cổ đông trước ngày diễn ra Đại hội trực tuyến.

4. Đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến:

a. Cổ đông thực hiện xác thực cổ đông theo hướng dẫn, cổ đông sẽ nhận được tài khoản đăng nhập vào Hệ thống (tên truy cập và mật khẩu).

b. Cổ đông thực hiện đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến bằng cách sử dụng tài khoản truy cập để đăng nhập vào hệ thống và đăng ký tham dự Đại hội theo quy định tại Quy chế này và hướng dẫn tại Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

c. Các trường hợp được xem là cổ đông không tham dự Đại hội trực tuyến:

i. Cổ đông không thực hiện xác nhận tư cách cổ đông;

ii. Cổ đông không thực hiện đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến theo quy định tại điểm b khoản này.

5. Điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông trực tuyến:

a. Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được tiến hành khi có ít nhất số cổ đông đại diện cho 51% (năm mươi mốt phần trăm) tổng số cổ phần biểu quyết của Ngân hàng theo Danh sách cổ đông tại thời điểm chốt danh sách tham dự Đại hội trực tuyến.

b. Hệ thống tổ chức Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu, biểu quyết đáp ứng đủ điều kiện tiến hành Đại hội trực tuyến theo quy định tại Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

6. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến:

Cổ đông thực hiện quyền biểu quyết thông qua hình thức bỏ phiếu điện tử theo quy định tại khoản 7 Điều này.

7. Thời điểm biểu quyết và cách thức bỏ phiếu trực tuyến:

a. Thời điểm biểu quyết:

i. Cổ đông có quyền biểu quyết từ thời điểm khai mạc Đại hội đồng cổ đông trực tuyến đến trước thời điểm kết thúc biểu quyết trừ trường hợp quy định tại tiết (ii) điểm này. Trường hợp cổ đông đã biểu quyết nhưng muốn thay đổi ý kiến thì phải thực hiện thay đổi trước thời điểm kết thúc biểu quyết. Ý kiến biểu quyết sau cùng được hệ thống ghi nhận trước thời điểm kết thúc biểu quyết là ý kiến hợp lệ và được ghi nhận vào kết quả kiểm phiếu.

ii. Để bảo đảm diễn biến liên tục để tập trung cho phần diễn biến của Đại hội, cổ đông tham dự khi đăng nhập hệ thống có thể tiến hành biểu quyết về Chương trình Đại hội, thành phần Ban kiểm phiếu và Quy chế tổ chức Đại hội. Thời gian kết thúc biểu quyết các nội dung này sẽ được Ban tổ chức Đại hội thông báo tại thời điểm khai mạc Đại hội.

iii. Các kết quả bỏ phiếu biểu quyết được tính theo thời điểm các cổ đông thực hiện bỏ phiếu điện tử trên hệ thống nên việc việc kết nối của cổ đông bị ngắt đột ngột (nếu có) chỉ ảnh hưởng đến các nội dung chưa được bỏ phiếu, không ảnh hưởng đến các nội dung đã bỏ phiếu.

iv. Trước khi thời hạn bỏ phiếu kết thúc, cổ đông chỉ được biết kết quả bỏ phiếu của mình. Sau thời hạn biểu quyết kết thúc, cổ đông sẽ được biết kết quả biểu quyết chung đối với từng nội dung do Chủ tọa hoặc Ban kiểm phiếu công bố.

b. Bỏ phiếu biểu quyết các vấn đề của Đại hội:

i. Cổ đông có quyền biểu quyết là cổ đông đăng ký tham dự Đại hội tính đến thời điểm biểu quyết và số lượng cổ đông này là cơ sở để tính tỷ lệ phiếu biểu quyết của cổ đông. Trường hợp cổ đông đã đăng ký dự Đại hội trực tuyến nhưng không thực hiện biểu quyết thì được hiểu là cổ đông đó bỏ phiếu **"Không có ý kiến"** đối với các nội dung xin ý kiến cổ đông tương ứng.

ii. Khi điều hành Đại hội, Chủ tọa Đại hội thông báo thời điểm kết thúc bỏ phiếu trên hệ thống để cổ đông thực hiện quyền của mình, ngoại trừ trường hợp quy định tại tiết (ii) điểm a khoản này.

iii. Cổ đông sử dụng tài khoản truy cập và mã OTP để truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử theo hướng dẫn tại Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến để thực hiện bỏ phiếu.

iv. Cổ đông quyết định chọn biểu quyết bằng hình thức đánh dấu chọn vào 01 trong 03 ô tương ứng **"Tán thành", Không tán thành", "Không có ý kiến"** đối với từng vấn đề cần xin ý kiến của cổ đông.

8. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến và thông báo kết quả kiểm phiếu:

a. Ban kiểm phiếu được Đại hội bầu thực hiện kiểm tra, tổng hợp kết quả bỏ phiếu trên hệ thống để lập Biên bản kiểm phiếu dưới sự giám sát của cổ đông giám sát kiểm phiếu.

b. Biên bản kiểm phiếu được Ban kiểm phiếu công bố ngay tại Đại hội trực tuyến.

9. Lập Biên bản Đại hội đồng cổ đông trực tuyến:

a. Thư ký Đại hội thực hiện ghi chép các nội dung tại Đại hội và lập thành Biên bản họp Đại hội trực tuyến. Nội dung Biên bản họp Đại hội trực tuyến được lập theo quy định tại khoản 12 Điều 4 Quy chế này.

b. Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội trực tuyến.

10. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trực tuyến:

a. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến phải được thông qua và công bố trước Đại hội đồng cổ đông trước khi Đại hội đồng cổ đông trực tuyến kết thúc.

b. Ngân hàng phải thực hiện công bố thông tin về Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

c. Trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp, tất cả các quyết định được Đại hội đồng cổ đông thông qua phải được gửi cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đồng thời gửi cho các cổ đông theo địa chỉ đăng ký với Ngân hàng.

Mục 2.
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 7. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị Ngân hàng, có toàn quyền nhân danh Ngân hàng để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng, quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Ngân hàng, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị:

   a. Chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của Ngân hàng tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Ngân hàng, đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Ngân hàng.

   b. Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

   c. Quyết định việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện đơn vị sự nghiệp của Ngân hàng.

   d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Người phụ trách quản trị công ty của Ngân hàng, Thư ký Hội đồng quản trị và người quản lý, người điều hành khác theo quy định nội bộ của Hội đồng quản trị. Ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc.

   e. Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của của Ngân hàng tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị dưới 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.

   f. Cử người đại diện vốn góp của Ngân hàng tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác; quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của người đại diện vốn.

   g. Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của Ngân hàng mà mức giá đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 10% (mười phần trăm) vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ các khoản đầu tư, mua, bán tài sản cố định của Ngân hàng quy định tại điểm o khoản 2 Điều 3 Quy chế này.

   h. Quyết định các khoản cấp tín dụng theo quy định tại khoản 7 Điều 136 của Luật CTCTD, trừ các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định tại điểm p khoản 2 Điều 3 Quy chế này.

   i. Thông qua các hợp đồng, giao dịch khác của Ngân hàng với công ty con, công ty liên kết của Ngân hàng; các hợp đồng, giao dịch khác của Ngân hàng với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn, người có liên quan của họ có giá trị dưới 20%

(hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất. Trong trường hợp này, thành viên có liên quan không có quyền biểu quyết.

j. Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 10% (mười phần trăm) vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.

k. Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc thực hiện nhiệm vụ được phân công và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Ngân hàng;

l. Đánh giá hằng năm về hiệu quả làm việc của Tổng giám đốc. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc điều hành và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Ngân hàng bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

m. Ban hành các quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của Ngân hàng phù hợp với các quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và pháp luật có liên quan, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát (bao gồm chuẩn mực đạo đức đối với thành viên Ban kiểm soát, kiểm toán viên nội bộ) hoặc của Đại hội đồng cổ đông.

n. Quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của Ngân hàng.

o. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc trong hoạt động kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc thành viên Hội đồng quản trị không tham gia xem xét, phê duyệt các quyết định có rủi ro thuộc chức năng, nhiệm vụ của Tổng giám đốc.

p. Xem xét, phê duyệt và công bố báo cáo thường niên.

q. Lựa chọn tổ chức định giá chuyên nghiệp để định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng theo quy định của pháp luật.

r. Đề nghị Thống đốc NHNN chấp thuận các vấn đề theo quy định của pháp luật.

s. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán. Quyết định huy động vốn thêm theo hình thức khác.

t. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của Ngân hàng.

u. Quyết định mua lại cổ phần của Ngân hàng.

v. Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.

w. Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan (bao gồm Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị, Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán) để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, trừ những nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát.

x. Duyệt chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông; triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

y. Tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

z. Thông báo kịp thời cho NHNN thông tin ảnh hưởng tiêu cực đến tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc.

ả. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

3. Trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Thành viên Hội đồng quản trị:

a. Trách nhiệm của Thành viên Hội đồng quản trị:

i. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao theo quy định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Quy chế này và Quy chế nội bộ của Hội đồng quản trị theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị;

ii. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Ngân hàng và cổ đông; phát huy tính độc lập của thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình;

iii. Trung thành với lợi ích của Ngân hàng và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Ngân hàng để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

iv. Xem xét báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu người điều hành Ngân hàng, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán nội bộ giải trình, làm rõ vấn đề có liên quan đến báo cáo;

v. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường.

vi. Tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị, thảo luận và biểu quyết về nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Các TCTD, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị về quyết định của mình.

Trường hợp nội dung biểu quyết có xung đột lợi ích với thành viên nào thì thành viên đó không được tham gia biểu quyết.

vii. Triển khai thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

viii. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Ngân hàng cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Ngân hàng và của các đơn vị trong Ngân hàng.

ix. Có trách nhiệm giải trình trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi có yêu cầu.

x. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm công bố cho Ngân hàng các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của Ngân hàng.

xi. Các thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan khi thực hiện giao dịch cổ phần của Ngân hàng phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và thực hiện công bố thông tin về việc giao dịch này theo quy định của pháp luật.

xii. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị của phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị trong trường hợp Ngân hàng trở thành công ty niêm yết.

xiii. Thành viên Hội đồng quản trị không được ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị để quyết định nội dung quy định tại các điểm b, e, g, h, i, j, m, n, p và v khoản 2 Điều này.

xiv. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Ngân hàng về nội dung quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp;

xv. Trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng, Quy chế này và các quy định có liên quan.

b. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị:

i. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị.

ii. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình;

iii. Triệu tập và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

iv. Thay mặt Hội đồng quản trị ký văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

v. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

vi. Giám sát, tổ chức giám sat việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

vii. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

viii. Bảo đảm các thành viên Hội đồng quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Hội đồng quản trị phải xem xét.

ix. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng quản trị.

x. Giám sát các thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và các quyền, nghĩa vụ chung.

xi. Chỉ được ủy quyền cho một thành viên khác của Hội đồng quản trị thực hiện quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị trong thời gian vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ

xii. Định kỳ hằng năm, đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên Hội đồng quản trị, các Ủy ban của Hội đồng quản trị và báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả đánh giá này.

xiii. Các quyền, nghĩa vụ khác quy định tại điểm b khoản này và quy định tại Điều lệ Ngân hàng.

Điều 8. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị

1. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cơ cấu Hội đồng quản trị:

   a. Hội đồng quản trị có nhiệm kỳ là 05 (năm) năm. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có nhiệm kỳ 5 (năm) năm và có thể được bầu tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo với số nhiệm kỳ không hạn chế. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.

   b. Hội đồng quản trị bao gồm ít nhất là 05 (năm) thành viên và nhiều nhất là 11 (mười một) thành viên, , số lượng thành viên từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Hội đồng quản trị phải có tối thiểu 02 (hai) thành viên độc lập; 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên phải là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành Ngân hàng. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia Hội đồng quản trị, nhưng không được vượt quá 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước.

   c. Trường hợp Hội đồng quản trị có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Các TCTD, Điều lệ Ngân hàng và Quy chế này, trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, Ngân hàng phải bầu bổ sung, bảo đảm số thành viên tối thiểu, trừ trường hợp quy định của Luật Các TCTD.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị:

   a. Tiêu chuẩn, điều kiện là thành viên Hội đồng quản trị:

      Thành viên Hội đồng quản trị phải có đủ các điều kiện sau:

   i. Không thuộc đối tượng không được đảm nhiệm chức vụ theo quy định, cụ thể:

   - Người chưa thành niên; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
   - Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành hình phạt tù; đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc; đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc;
   - Người đã bị kết án về tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên;
   - Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xoá án tích;
   - Cán bộ, công chức, viên chức, người quản lý từ cấp phòng trở lên trong các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm từ 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ trở lên, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ trở lên tại Ngân hàng;
   - Sỹ quan, hạ sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sỹ quan, hạ sỹ quan chuyên nghiệp, công nhân công an trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại

diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, , của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ trở lên tại Ngân hàng;

- Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng;
- Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Tổng giám đốc (Giám đốc), thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của doanh nghiệp, thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc (Giám đốc) hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp được cử, chỉ định, bổ nhiệm tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát doanh nghiệp, hợp tác xã là tổ chức tín dụng bị tuyên bố phá sản theo yêu cầu nhiệm vụ ;
- Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị; Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng thành viên; Trưởng ban, thành viên khác của Ban kiểm soát; Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng theo quy định tại Điều 47 của Luật CTCTD hoặc bị cơ quan có thẩm quyền xác định người đó có vi phạm dẫn đến việc tổ chức tín dụng bị thu hồi Giấy phép;
- Người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc của Ngân hàng, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;
- Người phải chịu trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.

ii. Tuân thủ quy định về các trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ, cụ thể:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng không được đồng thời là:

✓ Người điều hành, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng và của tổ chức tín dụng khác.

✓ Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) hoặc các chức danh tương đương của doanh nghiệp khác.

- Thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng không phải là thành viên độc lập không được đồng thời là:

✓ Người điều hành của Ngân hàng, trừ trường hợp là Tổng giám đốc Ngân hàng;

✓ Người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng khác; người quản lý doanh nghiệp khác, trừ trường hợp là người quản lý, người điều hành công ty con của Ngân hàng;

✓ Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác.

- Thành viên độc lập Hội đồng quản trị không được đồng thời là:

✓ Người điều hành của Ngân hàng;

✓ Người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng khác; người quản lý trên 02 doanh nghiệp khác;

- ✓ Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác.

iii. Có đạo đức nghề nghiệp;

iv. Có trình độ từ đại học trở lên;

v. Có một trong các điều kiện sau đây: có ít nhất 03 năm là người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng; có ít nhất 05 năm là người quản lý doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng cổ phần; có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại các bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán.

b. Tiêu chuẩn, điều kiện là thành viên Hội đồng quản trị độc lập:

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải có đủ các điều kiện sau:

i. Có đủ các điều kiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

ii. Không phải là người đang làm việc cho Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng hoặc đã làm việc tại Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng đó trong 03 (ba) năm liền kề trước đó;

iii. Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của Ngân hàng ngoài những khoản phụ cấp của thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

iv. Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Ngân hàng, người quản lý hoặc thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng;

v. Không đại diện sở hữu cổ phần của Ngân hàng; không cùng với người có liên quan sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 01% (một phần trăm) vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng;

vi. Không phải là người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 (năm) năm liền kề trước đó.

3. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị:

a. Lập Danh sách cổ đông để lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về đề cử, ứng cử nhân sự dự kiến bầu làm thành viên Hội đồng quản trị:

Danh sách cổ đông lấy ý kiến bằng văn bản về đề cử, ứng cử nhân sự dự kiến bầu làm thành viên Hội đồng quản trị được lập theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Quy chế này.

b. Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để đề cử, ứng cử nhân sự dự kiến bầu làm thành viên Hội đồng quản trị:

i. Hội đồng quản trị thông báo về số lượng thành viên dự kiến được bầu vào Hội đồng quản trị, trong đó dự kiến số lượng thành viên độc lập (nếu có), đồng thời thông báo các điều kiện, tiêu chuẩn phải đáp ứng đối với các chức danh được bầu để cổ đông và (hoặc) nhóm cổ đông ứng cử hoặc đề cử người giữ các chức danh được bầu theo quy định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng và Quy chế này.

ii. Thời hạn lấy ý kiến các cổ đông về việc đề cử, ứng cử nhân sự dự kiến bầu làm thành viên Hội đồng quản trị: tối thiểu 10 (mười) ngày và được ghi cụ thể tại văn bản lấy ý kiến.

iii. Trình tự, thủ tục lấy ý kiến các cổ đông về việc đề cử, ứng cử nhân sự dự kiến bầu làm thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại Điều 5 Quy chế này và quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin liên quan.

c. Quyền đề cử nhân sự dự kiến bầu làm thành viên Hội đồng quản trị:

i. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền tự ứng cử, lập nhóm đề cử thành viên Hội đồng quản trị như sau:

- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 05 % đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 01 (một) ứng cử viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 02 (hai) ứng cử viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 03 (ba) ứng cử viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng cử viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 05 (năm) ứng cử viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 06 (sáu) ứng cử viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 07 (bảy) ứng cử viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 08 (tám) ứng cử viên.

ii. Trường hợp số lượng ứng cử viên được cổ đông, nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử hoặc các ứng cử viên được đề cử không đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định, số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị đề cử. Việc Hội đồng quản trị giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Bầu thành viên Hội đồng quản trị:

a. Thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị phải được thực hiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

b. Nguyên tắc bầu dồn phiếu được áp dụng cho việc bầu thành viên Hội đồng quản trị, theo đó, việc bầu thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 9 Điều 4 Quy chế này.

c. Nguyên tắc trúng cử thành viên Hội đồng quản trị:

i. Danh sách ứng viên trúng cử vào Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Vietbank và tỷ lệ phiếu bầu phải đạt tỷ lệ trên 51% (năm mươi mốt phần trăm) tổng số phiếu bầu cho từng ứng cử viên trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.

ii. Trường hợp cuối danh sách có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau và nhiều hơn số lượng thành viên được bầu thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.

iii. Trường hợp không có thành viên Hội đồng quản trị trúng cử theo nguyên tắc quy định tại tiết (i), (ii) điểm này thì Đại hội đồng cổ đông quyết định bầu lại hoặc quyết định thông qua cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà không cần bầu lại ngay tại cuộc họp Đại hội đó.

d. Thông báo kết quả bầu thành viên Hội đồng quản trị:

i. Căn cứ vào Biên bản kiểm phiếu, kết quả bầu thành viên Hội đồng quản trị được Ban kiểm phiếu công bố ngay tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

ii. Kết quả bầu thành viên Hội đồng quản trị sẽ được ghi nhận bằng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

iii. Việc công bố thông tin về Nghị quyết của Đại đội đồng cổ đông liên quan đến kết quả bầu thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

5. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, từ chức thành viên Hội đồng quản trị:

a. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị:

i. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- Có đơn xin từ chức gửi Hội đồng quản trị;

ii. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Không tham gia hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- Không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 41 của Luật Các TCTD và Quy chế này;
- Thành viên độc lập của Hội đồng quản trị không bảo đảm yêu cầu về tính độc lập. Trong trường hợp này, Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ

đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

- Các trường hợp khác theo quy định pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

iii. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại tiết (i), (ii) điểm này.

b. Chủ tịch Hội đồng quản trị muốn từ chức Chủ tịch phải có đơn gửi đến Hội đồng quản trị. Trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày nhận đơn, Hội đồng quản trị phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục cho từ chức, bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định hiện hành.

c. Thành viên Hội đồng quản trị muốn từ chức phải có đơn hoặc văn bản gửi Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.

d. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, từ chức, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ thực hiện miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và bầu thành viên Hội đồng quản trị mới để thay thế cho thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bổ sung những thành viên còn thiếu.

e. Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

f. Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với thành viên Hội đồng quản trị thuộc các trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Hội đồng quản trị của Ngân hàng phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo NHNN.

g. Việc công bố thông tin về miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

6. Đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị:

a. Thành viên Hội đồng quản trị đương nhiên mất tư cách khi thuộc một trong các trường hợp sau:

i. Mất năng lực hành vi dân sự, chết;

ii. Vi phạm quy định về những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ;

iii. Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông của Ngân hàng khi tổ chức đó bị chấm dứt tư cách pháp nhân;

iv. Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;

v. Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

vi. Khi Ngân hàng bị thu hồi giấy phép.

b. Hội đồng quản trị của Ngân hàng phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh về việc thành viên Hội đồng quản trị đương nhiên mất tư cách theo quy định tại điểm a khoản này gửi Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày xác định được thành viên Hội đồng quản trị đương nhiên mất tư cách và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này; thực hiện các thủ tục bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo quy định của pháp luật.

c. Sau khi đương nhiên mất tư cách, thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

7. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu theo quy định tại Quy chế tổ chức, hoạt động của Hội đồng quản trị.

b. Chủ tịch Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

i. Các trường hợp theo quy định tại khoản 5 Điều này.

ii. Theo quyết định của Hội đồng quản trị.

c. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

d. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 9. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị không hưởng lương mà hưởng thù lao công vụ và được đài thọ các chi phí hợp lý cần thiết khác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

2. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Tổng số phí công vụ (thù lao và các chi phí trong quá trình thực hiện nhiệm vụ) trả cho các thành viên Hội đồng quản trị và số phí công vụ mà mỗi thành viên Hội đồng quản trị đã nhận sẽ được nêu chi tiết trong Báo cáo hàng năm của Ngân hàng.

Điều 10. Họp Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường.

Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ ít nhất là mỗi quý phải họp 01 (một) lần, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp chậm nhất ba 03 (ba) ngày trước ngày họp dự kiến.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Ngân hàng. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn

nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị;

b. Có đề nghị của ít nhất 02 (hai) Thành viên Hội đồng quản trị;

c. Ban kiểm soát hoặc Thành viên Hội đồng quản trị độc lập;

d. Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) Người quản lý khác;

e. Giám đốc Chi nhánh NHNN tỉnh, thành phố nơi Ngân hàng đặt trụ sở chính.

3. Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp Hội đồng quản trị bất thường của một trong các đối tượng nêu tại các điểm b, c, d, e khoản 2 Điều này, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập và tiến hành cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường. Trường hợp không triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Ngân hàng; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

4. Địa điểm họp: Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Ngân hàng hoặc những địa điểm khác được Hội đồng quản trị quy định.

5. Thông báo và chương trình họp:

a. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu biểu quyết cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp. Những thành viên Hội đồng quản trị này sẽ gửi phiếu biểu quyết cho Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Thư ký, nhưng không muộn hơn 01 (một) giờ trước giờ khai mạc.

b. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Ngân hàng.

c. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị gửi Thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến Trưởng Ban kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

6. Số thành viên tham dự yêu cầu: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất 3/4 (ba phần tư) số thành viên Hội đồng quản trị tham dự

Trường hợp cuộc họp được triệu tập không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

7. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại điểm a khoản 8 Điều này.

c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất 01 (một) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

8. Biểu quyết:

a. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có 01 (một) phiếu biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị. Nếu thành viên Hội đồng quản trị không thể tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho 01 (một) thành viên Hội đồng quản trị khác (là đối tượng được phép tham gia biểu quyết) thực hiện biểu quyết thay trừ trường hợp quy định tại tiết (xiii) điểm a khoản 3 Điều 7 Quy chế này.

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Ngân hàng. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Nếu có nghi ngờ nào này sinh tại một cuộc họp liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền được biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị và những nghi ngờ đó không được thành viên Hội đồng quản trị đó tự nguyện giải quyết bằng cách chấp thuận từ bỏ quyền biểu quyết, thì nghi ngờ đó sẽ được chuyển tới chủ tọa của cuộc họp. Phán quyết của chủ tọa sẽ có giá trị cuối cùng và có tính kết luận trừ trường hợp khi bản chất hoặc mức độ quyền lợi của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan đó chưa được biết rõ.

d. Bất kỳ thành viên Hội đồng quản trị nào có liên quan đến một hợp đồng, giao dịch được nêu tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp sẽ được coi là có quyền lợi vật chất đối với hợp đồng đó.

9. Tuyên bố quyền lợi: Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Ngân hàng và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Ngân hàng, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

10. Biểu quyết đa số: Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền chủ tọa cuộc họp (trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt).

11. Biên bản:

a. Cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi đầy đủ vào sổ biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu trữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể được lập thêm bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý ngang nhau, trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

i. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Ngân hàng;

ii. Thời gian, địa điểm họp;

iii. Mục đích, chương trình và nội dung họp;

iv. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

v. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

vi. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

vii. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên "tán thành", "không tán thành" và "không có ý kiến";

viii. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

ix. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và Thư ký ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này.

b. Trường hợp Chủ toạ và/hoặc Thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị: Trường hợp chủ tọa và/hoặc Thư ký từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm từ (i) đến (viii) điểm a khoản này thì Biên bản họp Hội đồng quản trị trong trường hợp này có hiệu lực.

c. Chủ tọa, Thư ký và các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của Biên bản họp Hội đồng quản trị.

d. Chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị có trách nhiệm bố trí lập và gửi Biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị và biên bản đó sẽ được coi là bằng chứng mang tính kết luận về công việc tiến hành tại cuộc họp, trừ trường hợp có những khiếu nại liên quan đến nội dung của Biên bản họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày gửi biên bản đó.

e. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng.

12. Những người được mời dự họp Hội đồng quản trị: các thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và có thể có các cán bộ quản lý, chuyên gia khác nhưng không được tham gia biểu quyết.

13. Ngoài họp trực tiếp, cuộc họp Hội đồng quản trị có thể được họp dưới các hình thức khác nhau như điện thoại, hội nghị trực tuyến (video conference).... Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

14. Thông báo nghị quyết của Hội đồng quản trị:

a. Nghị quyết của Hội đồng quản trị được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và gửi cho các Bộ phận/cá nhân liên quan để triển khai thực hiện.

b. Việc công bố thông tin về Nghị quyết của Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 11. Lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản

1. Các vấn đề được quyết định bởi cuộc họp Hội đồng quản trị đều có thể được quyết định bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Việc lấy ý kiến bằng văn bản có giá trị như tổ chức họp Hội đồng quản trị.

2. Trường hợp Hội đồng quản trị lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi các thành viên Hội đồng quản trị tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường, nếu:

a. Được sự nhất trí bằng văn bản của đa số các thành viên Hội đồng quản trị có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến;

b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị có quyền tham gia biểu quyết bằng văn bản phải đáp ứng được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp Hội đồng quản trị.

3. Thẩm quyền lấy ý kiến Hội đồng quản trị bằng văn bản: Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định việc lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản.

4. Thể thức lấy ý kiến Hội đồng quản trị bằng văn bản:

a. Thư ký Hội đồng quản trị chuẩn bị tài liệu lấy ý kiến có nội dung liên quan đến nội dung cần lấy ý kiến, bao gồm:

i. Phiếu lấy ý kiến phải có tối thiểu các nội dung sau:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Ngân hàng;
- Mục đích lấy ý kiến;
- Họ, tên và địa chỉ liên lạc của thành viên Hội đồng quản trị;
- Vấn đề cần lấy ý kiến;

- Phương án biểu quyết, bao gồm: tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- Thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về Ngân hàng;
- Họ và tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

ii. Tờ trình cần lấy ý kiến và các tài liệu liên quan.

b. Phiếu lấy ý kiến và các tài liệu kèm theo được gửi bằng thư bảo đảm đến địa chỉ đăng ký của thành viên Hội đồng quản trị (hoặc) bằng bản scan qua email mà thành viên Hội đồng quản trị đã đăng ký với Văn phòng Hội đồng quản trị.

c. Phiếu lấy ý kiến trả về phải có chữ ký của thành viên Hội đồng quản trị và được gửi về Ngân hàng (qua Văn phòng Hội đồng quản trị) bản chính bằng thư bảo đảm đến địa chỉ đăng ký của Ngân hàng (hoặc) bằng bản scan qua email của Thư ký Hội đồng quản trị.

d. Thư ký Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự giám sát của tối thiểu một thành viên Hội đồng quản trị. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

i. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Ngân hàng;

ii. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến;

iii. Tổng số phiếu biểu quyết gửi đi, tổng số phiếu biểu quyết thu về, số phiếu biểu quyết hợp lệ, số phiếu biểu quyết không hợp lệ. Biên bản phải có phụ lục danh sách thành viên Hội đồng quản trị đã tham gia biểu quyết;

iv. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề được xin ý kiến;

v. Họ, tên, chữ ký của người phụ trách kiểm phiếu, người giám sát.

e. Thư ký Hội đồng quản trị tham gia vào việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

f. Biên bản kết quả kiểm phiếu kèm nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị thông qua dựa trên kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

g. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng.

h. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

Điều 12. Các Hội đồng, Ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị

1. Căn cứ quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ Ngân hàng và tình hình thực tế công tác quản trị, điều hành, Hội đồng quản trị thành lập các Hội đồng và Ủy ban trực thuộc để tham mưu hoặc thay

mặt Hội đồng quản trị trong việc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị, bao gồm và không giới hạn các Hội đồng, Ủy ban sau:

a. Hội đồng tín dụng có nhiệm vụ xem xét, quyết định các vấn đề liên quan đến cấp tín dụng (bao gồm: cho vay, bảo lãnh, chiết khấu, bao thanh toán và các hình thức cấp tín dụng khác) theo thẩm quyền được Hội đồng quản trị giao.

b. Hội đồng xử lý rủi ro có chức năng, nhiệm vụ quyết định các vấn đề trong công tác phân loại nợ, xử lý rủi ro trong hoạt động của Ngân hàng.

c. Ủy ban quản lý rủi ro có nhiệm vụ tham mưu, dự báo và xây dựng chiến lược, chính sách quản trị rủi ro của Ngân hàng và tham mưu xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế về quản lý rủi ro theo các yêu cầu, kiến nghị của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức kiểm toán độc lập, các cơ quan chức năng khác.

d. Ủy ban nhân sự có nhiệm vụ tham mưu, dự báo và thực hiện một số nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong công tác xây dựng chiến lược, chính sách quản trị, đào tạo nhân sự và các vấn đề khác có liên quan đến quản trị, đào tạo nhân sự của Ngân hàng.

2. Cơ cấu tổ chức, nhân sự của các Hội đồng, Ủy ban được quy định cụ thể tại Quy định về tổ chức, hoạt động của các Hội đồng, Ủy ban do Hội đồng quản trị ban hành từng thời kỳ.

Điều 13. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty của Ngân hàng

1. Hội đồng quản trị Ngân hàng bổ nhiệm ít nhất 01 người thực hiện nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị công ty của ngân hàng. Người phụ trách quản trị công ty có thể do Chánh Văn phòng Hội đồng quản trị và/hoặc Thư ký Hội đồng quản trị đảm nhiệm.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện của Người phụ trách quản trị công ty:

a. Tốt nghiệp Đại học trở lên chuyên ngành Luật học;

b. Có kinh nghiệm tối thiểu 12 năm làm việc trong ngành tài chính, ngân hàng trong đó có ít nhất 05 năm ở vị trí Thư ký Hội đồng quản trị hoặc phụ trách các công tác Thư ký Hội đồng quản trị.

c. Không đồng thời làm việc cho Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Ngân hàng.

3. Nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị công ty:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Ngân hàng và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông;

d. Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông;

e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp;

f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Ngân hàng;

h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng;

i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

Mục 3.
BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

2. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát:

a. Giám sát hoạt động quản trị, điều hành Ngân hàng trong việc tuân thủ các quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng.

b. Ban hành quy định nội bộ của Ban Kiểm soát và Ban Kiểm toán nội bộ; định kỳ hằng năm xem xét lại quy định nội bộ của Ban Kiểm soát và Ban Kiểm toán nội bộ, các quy định nội bộ về kế toán và báo cáo để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

c. Tổ chức thực hiện kiểm toán nội bộ; được tiếp cận, cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản trị, điều hành tổ chức tín dụng, có quyền sử dụng các nguồn lực của tổ chức tín dụng để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; được thuê chuyên gia, tư vấn độc lập và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát. .

d. Nhiệm vụ đối với kiểm toán nội bộ bao gồm:

i. Trực tiếp chỉ đạo, điều hành hoạt động của kiểm toán nội bộ.

ii. Giám sát, đánh giá việc thực hiện chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của thành viên Ban kiểm soát, kiểm toán viên nội bộ;

iii. Giám sát kiểm toán nội bộ trong việc:

- Thực hiện kiểm toán nội bộ;
- Rà soát, đánh giá tính hiệu quả của kiểm toán nội bộ và kết quả thực hiện nhiệm vụ của Trưởng kiểm toán nội bộ;
- Xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế của kiểm toán nội bộ theo yêu cầu, kiến nghị của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác.
- Các nội dung khác do Ban Kiểm soát quy định.

iv. Phê duyệt, điều chỉnh kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm theo đề nghị của Trưởng Ban kiểm toán nội bộ sau khi tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc.

v. Quyết định cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của Kiểm toán nội bộ phù hợp theo quy định pháp luật.

e. Giám sát thực trạng tài chính, thẩm định báo cáo tài chính 06 (sáu) tháng đầu năm và hằng năm của Ngân hàng; báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả thẩm định báo cáo tài chính, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cẩn trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

f. Giám sát việc thông qua và thực hiện dự án đầu tư, mua, bán tài sản cố định, hợp đồng, giao dịch khác của Ngân hàng thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. Định kỳ hằng năm, lập và gửi báo cáo kết quả giám sát cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

g. Giám sát việc chấp hành các quy định tại Chương VII của Luật Các TCTD về các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động của Ngân hàng.

h. Kiểm tra sổ kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của Ngân hàng khi xét thấy cần thiết hoặc theo các trường hợp sau đây:

(i) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

(ii) Theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước; cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên.

Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến tổ chức, cá nhân có yêu cầu.

i. Kịp thời thông báo cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị khi phát hiện người quản lý của Ngân hàng có hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ, quy định nội bộ của Ngân hàng, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả (nếu có).

j. Lập danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông sở hữu từ 01% (một phần trăm) vốn điều lệ trở lên và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông sở hữu từ 01% (một phần trăm) vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng; lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này.

k. Đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng.

l. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Các TCTD hoặc vượt quá thẩm quyền được giao hoặc trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng.

m. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

n. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ.

o. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Ngân hàng;

p. Giám sát tình hình tài chính của Ngân hàng, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;

q. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Ngân hàng của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

r. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện công ty kiểm toán độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm;

s. Kịp thời báo cáo Ngân hàng Nhà nước về các hành vi vi phạm quy định tại các khoản 6, 8 và 11 Điều 52 Luật Các TCTD và các hành vi vi phạm về tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp, người có liên quan theo quy định của Luật Các TCTD.

t. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định pháp luật, Điều lệ Ngân hàng, Quy chế này và Quy chế về cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát.

3. Quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát:

a. Tuân thủ pháp luật, Điều lệ của Ngân hàng, quy định nội bộ của Ban kiểm soát và thực hiện nhiệm vụ theo phân công của Trưởng ban kiểm soát để triển khai nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của Ngân hàng và của cổ đông; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình .

b. Bầu một thành viên Ban kiểm soát làm Trưởng Ban kiểm soát.

c. Yêu cầu Trưởng ban kiểm soát triệu tập Ban kiểm soát họp bất thường.

d. Kiểm soát hoạt động kinh doanh, kiểm soát sổ sách kế toán, tài sản, báo cáo tài chính và kiến nghị biện pháp khắc phục.

e. Yêu cầu người quản lý báo cáo, giải trình về thực trạng tài chính, kết quả kinh doanh của công ty con, kế hoạch, dự án, chương trình đầu tư phát triển và quyết định khác trong quản lý, điều hành Ngân hàng.

f. Yêu cầu người quản lý, người điều hành, nhân viên của Ngân hàng cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công.

g. Báo cáo Trưởng Ban kiểm soát về hoạt động tài chính bất thường của Ngân hàng và chịu trách nhiệm về đánh giá, kết luận của mình.

h. Tham dự cuộc họp của Ban kiểm soát, thảo luận và biểu quyết về vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích với thành viên đó.

i. Trung thành với lợi ích của Ngân hàng và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Ngân hàng để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

j. Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng, Quy chế này và Quy chế về cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát.

k. Trường hợp vi phạm quy định tại các điểm a, b, c và d khoản này mà gây thiệt hại cho Ngân hàng hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Ngân hàng.

l. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

4. Quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của Trưởng Ban kiểm soát:

a. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát quy định tại khoản 2 Điều này và chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình;

b. Triệu tập và làm chủ tọa cuộc họp Ban kiểm soát;

c. Thay mặt Ban kiểm soát ký văn bản thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát;

d. Thay mặt Ban kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Quy chế này này hoặc đề nghị Hội đồng quản trị bất thường;

e. Tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết;

f. Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị nếu ý kiến đó khác với nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông;

g. Chuẩn bị kế hoạch làm việc của Ban kiểm soát và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Ban kiểm soát;

h. Bảo đảm thành viên Ban kiểm soát nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Ban kiểm soát phải xem xét;

i. Giám sát, chỉ đạo việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát;

j. Chỉ được ủy quyền cho một thành viên khác của Ban kiểm soát thực hiện quyền, nghĩa vụ của Trưởng ban kiểm soát trong thời gian vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ;

k. Quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng, Quy chế này, Quy chế tổ chức, hoạt động của Ban kiểm soát.

Điều 15. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu Ban kiểm soát

1. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban kiểm soát. Thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Ban kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.

   Những người được bầu giữ chức Trưởng ban và thành viên Ban kiểm soát sau khi được bầu có trách nhiệm tiếp nhận bàn giao và đảm nhiệm công việc của chức danh được bầu. Những người bị miễn nhiệm, bãi nhiệm có trách nhiệm bàn giao công việc cho những người mới được bầu; đồng thời phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhiệm chức danh đó.

2. Ban kiểm soát có ít nhất 05 (năm) thành viên. Trường hợp Ban kiểm soát có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu quy định tại khoản này, trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, Ngân hàng phải bầu bổ sung, bảo đảm số thành viên tối thiểu.

3. Ban kiểm soát có bộ phận kiểm toán nội bộ, bộ phận giúp việc để thực hiện nhiệm vụ của mình.

Điều 16. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm, đương nhiên mất tư cách thành viên Ban kiểm soát

1. Tiêu chuẩn, điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát:

   Thành viên Ban kiểm soát phải có đủ các điều kiện sau:

   a. Không thuộc đối tượng không được đảm nhiệm chức vụ theo quy định, cụ thể:

   i. Người chưa thành niên; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

   ii. Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành hình phạt tù; đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc; đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc;

   iii. Người đã bị kết án về tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên;

   iv. Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xoá án tích;

   v. Cán bộ, công chức, viên chức, người quản lý từ cấp phòng trở lên trong các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm từ 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ trở lên, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ trở lên tại Ngân hàng;

   vi. Sỹ quan, hạ sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sỹ quan, hạ sỹ quan chuyên nghiệp, công nhân công an trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, , của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ trở lên tại Ngân hàng;

   vii. Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng;

viii. Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Tổng giám đốc (Giám đốc), thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của doanh nghiệp, thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc (Giám đốc) hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp được cử, chỉ định, bổ nhiệm tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát doanh nghiệp, hợp tác xã là tổ chức tín dụng bị tuyên bố phá sản theo yêu cầu nhiệm vụ ;

ix. Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị; Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng thành viên; Trưởng ban, thành viên khác của Ban kiểm soát; Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng theo quy định tại Điều 47 của Luật CTCTD hoặc bị cơ quan có thẩm quyền xác định người đó có vi phạm dẫn đến việc tổ chức tín dụng bị thu hồi Giấy phép;

x. Người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng không được là thành viên Ban kiểm soát của cùng Ngân hàng;

xi. Người phải chịu trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.

b. Tuân thủ quy định về các trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ theo quy định, cụ thể:

Thành viên Ban kiểm soát không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:

i. Người quản lý, người điều hành của chính Ngân hàng, tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác; nhân viên của Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng;

ii. Nhân viên của doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành hoặc là cổ đông lớn của doanh nghiệp đó.

c. Có đạo đức nghề nghiệp;

d. Có trình độ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán; có ít nhất 03 (ba) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kế toán hoặc kiểm toán;

e. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Ngân hàng;

f. Trưởng Ban kiểm soát phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

2. Đề cử, ứng cử, bầu thành viên Ban kiểm soát:

Việc đề cử, ứng cử, bầu thành viên Ban kiểm soát thực hiện tương tự theo quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 8 Quy chế này.

3. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, từ chức thành viên Ban kiểm soát:

a. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Trưởng ban, thành viên Ban kiểm soát khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

i. Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

ii. Có đơn xin từ chức gửi Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

iii. Các trường hợp khác theo quy định pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

b. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Trưởng ban, thành viên Ban kiểm soát khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

i. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

ii. Không tham gia hoạt động của Ban kiểm soát trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

iii. Không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 41 của Luật Các tổ chức tín dụng;

iv. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật, điều lệ Ngân hàng, Quy chế này và Quy định về tổ chức, hoạt động của ban kiểm soát.

v. Trường hợp khác theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

c. Trưởng Ban kiểm soát muốn từ chức phải có đơn gửi đến Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày nhận đơn, Ban kiểm soát phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu Trưởng Ban kiểm soát theo quy định hiện hành.

d. Thành viên Ban kiểm soát muốn từ chức phải có đơn hoặc văn bản gửi Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.

e. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, từ chức, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ thực hiện miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát và bầu thành viên Ban kiểm soát mới để thay thế cho thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bổ sung những thành viên còn thiếu trừ trường hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Quy chế này.

f. Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Trưởng Ban, thành viên Ban kiểm soát vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

g. Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với thành viên Ban kiểm soát thuộc các trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản này, Hội đồng quản trị của Ngân hàng phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo NHNN.

h. Việc công bố thông tin về miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

4. Đương nhiên mất tư cách thành viên Ban kiểm soát:

Các nội dung quy định liên quan đến đương nhiên mất tư cách thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 8 Quy chế này.

Điều 17. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả thù lao theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức thù lao và ngân sách hoạt

động hằng năm của Ban kiểm soát căn cứ vào số ngày làm việc dự tính, số lượng và tính chất của công việc và mức thù lao bình quân hằng ngày của thành viên.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;

3. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Ngân hàng theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Ngân hàng.

Mục 4.
BAN ĐIỀU HÀNH

Điều 18. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc

1. Tổng giám đốc là người điều hành cao nhất của Ngân hàng, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước pháp luật về việc điều hành hoạt động hàng ngày của Ngân hàng.

2. Trách nhiệm của Tổng giám đốc:

   a. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao theo quy định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

   b. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Ngân hàng;

   c. Trung thành với lợi ích của Ngân hàng và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Ngân hàng để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

   d. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Ngân hàng về nội dung quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp;

   e. Trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng, Quy chế này và các quy định có liên quan.

3. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

   a. Tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

   b. Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền liên quan đến hoạt động kinh doanh hằng ngày của Ngân hàng.

   c. Thiết lập, duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động có hiệu quả.

   d. Lập và trình Hội đồng quản trị thông qua hoặc để báo cáo cấp có thẩm quyền thông qua báo cáo tài chính. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo tài chính, báo cáo thống kê, số liệu quyết toán và các thông tin tài chính khác.

e. Ban hành theo thẩm quyền quy chế, quy định nội bộ; quy trình, thủ tục tác nghiệp để vận hành hệ thống điều hành kinh doanh, hệ thống thông tin quản lý.

f. Báo cáo Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Đại hội đồng cổ đông và Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về hoạt động và kết quả kinh doanh của Ngân hàng.

g. Quyết định áp dụng biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, sự cố và chịu trách nhiệm về quyết định đó và kịp thời báo cáo Hội đồng quản trị.

h. Kiến nghị, đề xuất cơ cấu tổ chức quản lý của Ngân hàng trình Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông quyết định theo thẩm quyền.

i. Đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường theo quy định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng và Quy chế này.

j. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý, điều hành của Ngân hàng, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

k. Ký kết hợp đồng, giao dịch khác nhân danh Ngân hàng theo quy định của Điều lệ và quy định nội bộ của Ngân hàng.

l. Quyết định tất cả các vấn đề (ngoại trừ các vấn đề cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị), bao gồm việc thay mặt Ngân hàng ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh thường nhật của Ngân hàng theo những thông lệ quản lý tốt nhất.

m. Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận, xử lý lỗ trong kinh doanh của Ngân hàng.

n. Tuyển dụng lao động; quyết định lương, thưởng của người lao động theo thẩm quyền.

o. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ của Ngân hàng, Quy chế này và quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 19. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm, đương nhiên mất tư cách Người điều hành Ngân hàng

1. Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm Người điều hành Ngân hàng:

a. Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm Tổng giám đốc:

Tổng giám đốc Ngân hàng phải có đủ các điều kiện, tiêu chuẩn sau:

i. Không thuộc các trường hợp cấm đảm nhiệm chức vụ theo quy định, cụ thể:

- Người chưa thành niên; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành hình phạt tù; đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc; đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc;
- Người đã bị kết án về tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên;
- Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xoá án tích;

- Cán bộ, công chức, viên chức, người quản lý từ cấp phòng trở lên trong các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm từ 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ trở lên, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ trở lên tại Ngân hàng;
- Sỹ quan, hạ sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sỹ quan, hạ sỹ quan chuyên nghiệp, công nhân công an trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, , của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ trở lên tại Ngân hàng;
- Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng;
- Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Tổng giám đốc (Giám đốc), thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của doanh nghiệp, thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc (Giám đốc) hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp được cử, chỉ định, bổ nhiệm tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát doanh nghiệp, hợp tác xã là tổ chức tín dụng bị tuyên bố phá sản theo yêu cầu nhiệm vụ ;
- Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị; Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng thành viên; Trưởng ban, thành viên khác của Ban kiểm soát; Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng theo quy định tại Điều 47 của Luật CTCTD hoặc bị cơ quan có thẩm quyền xác định người đó có vi phạm dẫn đến việc tổ chức tín dụng bị thu hồi Giấy phép;
- Người có liên quan của Thành viên Hội đồng quản trị;
- Người phải chịu trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.

ii. Tuân thủ quy định về các trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ theo quy định, cụ thể: Tổng giám đốc của Ngân hàng không được đồng thời là người quản lý, người điều hành, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác;

iii. Có đạo đức nghề nghiệp;

iv. Có trình độ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán;

v. Có một trong các điều kiện sau đây: có ít nhất 05 (năm) năm là người điều hành của tổ chức tín dụng; có ít nhất 05 (năm) năm là Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng và có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế

toán, kiểm toán; có ít nhất 10 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;

vi. Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

b. Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh:

Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh của Ngân hàng phải có đủ các điều kiện, tiêu chuẩn sau:

i. Không thuộc các trường hợp cấm đảm nhiệm chức vụ theo quy định, cụ thể:

- Những người sau đây không được làm Phó Tổng giám đốc của Ngân hàng:

✓ Người chưa thành niên; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

✓ Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành hình phạt tù; đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc; đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc;

✓ Người đã bị kết án về tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên;

✓ Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xoá án tích;

✓ Cán bộ, công chức, viên chức, người quản lý từ cấp phòng trở lên trong các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm từ 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ trở lên, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ trở lên tại Ngân hàng;

✓ Sỹ quan, hạ sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sỹ quan, hạ sỹ quan chuyên nghiệp, công nhân công an trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, , của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ trở lên tại Ngân hàng;

✓ Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng;

✓ Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Tổng giám đốc (Giám đốc), thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của doanh nghiệp, thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc (Giám đốc) hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp được cử, chỉ định, bổ nhiệm tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát doanh nghiệp, hợp tác xã là tổ chức tín dụng bị tuyên bố phá sản theo yêu cầu nhiệm vụ ;

✓ Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị; Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng thành viên; Trưởng ban, thành viên khác của Ban kiểm soát; Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng theo quy định tại Điều 47 của Luật CTCTD hoặc bị cơ quan có thẩm quyền xác định người đó có vi phạm dẫn đến việc tổ chức tín dụng bị thu hồi Giấy phép;

- ✓ Người có liên quan của Thành viên Hội đồng quản trị;
- ✓ Người phải chịu trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.

- Những người sau đây không được làm Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh của Ngân hàng:
  - ✓ Người chưa thành niên; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
  - ✓ Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành hình phạt tù; đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc; đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc;
  - ✓ Người đã bị kết án về tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên;
  - ✓ Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xoá án tích;
  - ✓ Cán bộ, công chức, viên chức, người quản lý từ cấp phòng trở lên trong các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm từ 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ trở lên, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ trở lên tại Ngân hàng;
  - ✓ Sỹ quan, hạ sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sỹ quan, hạ sỹ quan chuyên nghiệp, công nhân công an trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, , của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ trở lên tại Ngân hàng;
  - ✓ Cha, mẹ, vợ, chồng, con và anh, chị, em của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và vợ, chồng của những người này không được là Kế toán trưởng hoặc là người phụ trách tài chính của Ngân hàng

ii. Tuân thủ quy định về các trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ theo quy định, cụ thể: Phó Tổng giám đốc và các chức danh tương đương của Ngân hàng không được đồng thời là người quản lý, người điều hành, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác, trừ trường hợp tổ chức đó là công ty con của Ngân hàng.

iii. Có trình độ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm; hoặc có trình độ đại học trở lên ngoài các ngành, lĩnh vực nêu trên và có ít nhất 03 (ba) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm;

iv. Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm;

v. Kế toán trưởng còn phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật về kế toán.

2. Bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành Ngân hàng:

a. Thẩm quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành Ngân hàng:

i. Hội đồng quản trị quyết định việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành Ngân hàng;

ii. Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm Tổng giám đốc trên cơ sở chấp thuận nhân sự dự kiến của Ngân hàng Nhà nước theo quy định;

iii. Trong từng thời kỳ, Hội đồng quản trị quy định việc phân cấp, phân quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh điều hành khác của Ngân hàng.

b. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Người điều hành Ngân hàng:

Hội đồng quản trị miễn nhiệm, bãi nhiệm Người điều hành Ngân hàng trong các trường hợp sau:

i. Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

ii. Có đơn xin từ chức gửi Hội đồng quản trị;

iii. Không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 41 của Luật Các TCTD và Quy chế này;

iv. Các trường hợp khác theo quy định pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

c. Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Người Điều hành Ngân hàng vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

d. Hội đồng quản trị thực hiện việc báo cáo, công bố thông tin về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

3. Sau khi được cấp có thẩm quyền thông qua, việc Ký Hợp đồng lao động với người điều hành ngân hàng được thực hiện như sau:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt Hội đồng quản trị và đại diện Ngân hàng ký Hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc của Ngân hàng.

b. Tổng giám đốc đại diện Ngân hàng ký Hợp đồng lao động đối với Người điều hành không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này.

4. Đương nhiên mất tư cách Tổng giám đốc:

a. Tổng giám đốc ngân hàng đương nhiên mất tư cách khi thuộc một trong các trường hợp sau:

i. Các trường hợp theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 8 Quy chế này;

ii. Khi hợp đồng thuê Tổng giám đốc hết hiệu lực;

b. Hội đồng quản trị của Ngân hàng phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh về việc đương nhiên mất tư cách của Tổng giám đốc theo quy định tại điểm a khoản này gửi Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày xác định được Tổng giám đốc đương nhiên mất tư cách và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này; thực hiện các thủ tục bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo quy định của pháp luật.

c. Sau khi đương nhiên mất tư cách, Tổng giám đốc của Ngân hàng phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

5. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc:

a. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng theo kết quả kinh doanh của Ngân hàng và được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, công tác phí cũng như các chi phí khác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Ngân hàng.

b. Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thưởng và lợi ích khác của Tổng giám đốc.

c. Tiền lương của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của Ngân hàng theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Mục 5.
CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

Điều 20. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc

1. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc trong các trường hợp sau:

i. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết;

ii. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát, Tổng giám đốc.

b. Người phụ trách quản trị Công ty của Ngân hàng có trách nhiệm gửi Thông báo mời họp và tài liệu liên quan đến các thành viên dự họp chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp dự kiến;

c. Người phụ trách quản trị Công ty của Ngân hàng chịu trách nhiệm ghi Biên bản cuộc họp;

d. Biên bản họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc sẽ được gửi cho các thành viên dự họp và các bên liên quan không muộn hơn 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất ký Biên bản.

2. Thông báo Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát, Tổng giám đốc:

a. Nghị quyết của Hội đồng quản trị được gửi cho Ban kiểm soát đồng thời với việc gửi cho các Thành viên Hội đồng quản trị;

b. Nghị quyết của Hội đồng quản trị được gửi đến Tổng giám đốc để triển khai thực hiện các vấn đề liên quan chậm nhất 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày ban hành và có hiệu lực thi hành.

3. Các trường hợp Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị:

a. Ban kiểm soát, Tổng giám đốc đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Quy chế này và các quy chế, quy định khác của Vietbank.

b. Ban kiểm soát xin ý kiến của Hội đồng quản trị về các vấn đề sau:

i. Các vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát (nếu cần thiết);

ii. Các vấn đề liên quan đến công tác quản trị ngân hàng của Hội đồng quản trị.

c. Tổng giám đốc xin ý kiến của Hội đồng quản trị về các vấn đề liên quan đến hoạt động Ngân hàng vượt thẩm quyền của Tổng giám đốc và thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị.

4. Báo cáo của Tổng giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao: Tổng giám đốc báo cáo Hội đồng quản trị định kỳ hàng tháng về kết quả hoạt động kinh doanh; báo cáo hàng năm đối với việc triển khai thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cũng như việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

5. Các vấn đề Tổng giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

a. Tổng giám đốc thực hiện báo cáo, cung cấp thông tin cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát để thực hiện chức năng quản trị, kiểm soát theo quy định và khi có yêu cầu.

b. Việc cung cấp thông tin phải bằng văn bản và phải được thực hiện trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

6. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát và Tổng giám đốc:

a. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát:

i. Hội đồng quản trị với tư cách là một bộ phận trong cơ cấu tổ chức quản lý của Ngân hàng, quan hệ giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát là quan hệ phối hợp, làm việc theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

ii. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi có yêu cầu bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần xin ý kiến của đa số thành viên Ban kiểm soát.

iii. Chương trình, nội dung và dự kiến các vấn đề quyết nghị tại cuộc họp Hội đồng quản trị phải được gửi đến Trưởng Ban kiểm soát cùng thời gian gửi đến thành viên Hội đồng quản trị.

iv. Trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, thảo luận và đóng góp ý kiến đối với các vấn đề được đưa ra và thông qua tại cuộc họp.

v. Hội đồng quản trị có trách nhiệm cung cấp tất cả thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Ngân hàng cho Ban kiểm soát theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

vi. Ban kiểm soát có trách nhiệm thông báo cho Hội đồng quản trị về Kế hoạch công tác hàng năm, hàng quý của Ban kiểm soát để Hội đồng quản trị biết và phối hợp hoạt động.

vii. Trưởng Ban kiểm soát phải triệu tập họp Ban kiểm soát, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi có yêu cầu bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần xin ý kiến của Chủ tịch hoặc ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị.

viii. Ban kiểm soát có trách nhiệm thông báo kịp thời cho Hội đồng quản trị khi phát hiện người quản lý có hành vi vi phạm do Ban kiểm soát phát hiện và có những kiến nghị cần thiết.

ix. Hội đồng quản trị phối hợp với Bộ phận kiểm toán nội bộ thuộc Ban kiểm soát khi kiểm toán nội bộ về giám sát của quản lý cấp cao đối với Hội đồng quản trị.

x. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện việc chấn chỉnh kịp thời.

xi. Hội đồng quản trị thực hiện các kiến nghị của Ban kiểm soát đối với Hội đồng quản trị tại báo cáo kết quả kiểm toán nội bộ (nếu có) và thông báo cho Ban kiểm soát về kết quả thực hiện kiến nghị.

b. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc:

i. Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ quản lý, giám sát đối với hoạt động của Tổng giám đốc trong việc triển khai các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Hội đồng quản trị.

ii. Tổng giám đốc báo cáo Hội đồng quản trị về:

- Việc thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, báo cáo thực hiện các nhiệm vụ kinh doanh và điều hành Ngân hàng (kết quả hoạt động, kết quả kinh doanh hàng tháng; báo cáo tài chính hàng quý, hàng năm); báo cáo đầy đủ, kịp thời các thông tin cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị về tình hình hoạt động kinh doanh của Ngân hàng;
- Các vi phạm nghiêm trọng trong việc tuân thủ quy định của pháp luật, thay đổi quy định liên quan của pháp luật theo quy định nội bộ của Ngân hàng (trên cơ sở tham mưu của bộ phận tuân thủ);
- Các báo cáo khác theo yêu cầu cụ thể của Hội đồng quản trị.

iii. Tổng giám đốc kiến nghị họp Hội đồng quản trị bất thường khi cần thiết. Báo cáo và xin ý kiến Hội đồng quản trị/ Thường trực Hội đồng quản trị giải quyết những vướng mắc phát sinh về phân cấp, phân quyền giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc trong quá trình điều hành Ngân hàng.

iv. Trong trường hợp xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị có thể yêu cầu Tổng giám đốc tạm ngừng thực hiện quyết định có nguy cơ gây ra tổn thất, thiệt hại lợi ích đối với Ngân hàng.

v. Hội đồng quản trị xem xét lại các quyết định của Tổng giám đốc trên cơ sở đề nghị của Ban kiểm soát ; đánh giá kết quả công tác điều hành của Tổng giám đốc và kiến nghị các giải pháp để nâng cao hiệu lực, hiệu quả điều hành của Tổng giám đốc.

c. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát và Tổng giám đốc:

i. Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát trong quá trình làm việc với Tổng giám đốc và hệ thống điều hành phải giữ vững tính độc lập, khách quan, đồng thời phải hợp tác chặt chẽ, không gây cản trở lẫn nhau trong khi thực thi nhiệm vụ và quyền hạn của mình. Tổng giám đốc và hệ thống điều hành phải tạo điều kiện và phối hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát và Kiểm toán nội bộ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

ii. Tổng giám đốc báo cáo Ban kiểm soát về việc thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, báo cáo thực hiện các nhiệm vụ kinh doanh và điều hành Ngân hàng và các báo cáo khác theo yêu cầu cụ thể Ban kiểm soát.

iii. Tổng giám đốc tiếp nhận báo cáo nội bộ về kiểm toán nội bộ, tổ chức thực hiện các kiến nghị của Ban kiểm soát đối với Tổng giám đốc tại báo cáo kết quả kiểm toán nội bộ (nếu có) và báo cáo Ban kiểm soát kết quả thực hiện các kiến nghị.

iv. Căn cứ vào báo cáo hoạt động thường kỳ và những thông tin đáng tin cậy của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền đề nghị Hội đồng quản trị xem xét lại các quyết định của Tổng giám đốc.

v. Ban kiểm soát kiến nghị và/hoặc đánh giá hoạt động của Tổng giám đốc sáu (06) tháng một lần gửi Hội đồng quản trị.

vi. Trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật, Điều lệ Ngân hàng và có thể gây thiệt hại lớn về vật chất, uy tín của ngân hàng, Ban kiểm soát có quyền đề nghị Tổng giám đốc dừng ngay việc thực hiện các quyết định đó và có giải pháp khắc phục hậu quả. Trong vòng 48 (bốn mươi tám) giờ kể từ khi có yêu cầu, Ban kiểm soát thông báo ý kiến của Ban kiểm soát với các thành viên Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị sẽ ra thông báo về việc thực hiện quyết định của Tổng giám đốc.

Điều 21. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc

1. Đánh giá hàng năm đối với hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị:

Chủ tịch Hội đồng quản trị theo thẩm quyền thực hiện đánh giá hàng năm đối với hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị, cụ thể:

a. Thời hạn đánh giá: tối thiểu 01 (một) lần/năm;

b. Nội dung đánh giá:

i. Việc thực hiện vai trò, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị, tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị;

ii. Kết quả thực hiện các công việc được Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị phân công.

c. Kết quả đánh giá hàng năm đối với các thành viên Hội đồng quản trị sẽ được lấy ý kiến Hội đồng quản trị trước khi Chủ tịch Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên của Ngân hàng.

2. Đánh giá hàng năm đối với hoạt động của thành viên Ban kiểm soát:

Trưởng Ban kiểm soát theo thẩm quyền thực hiện đánh giá hàng năm đối với hoạt động của các thành viên Ban kiểm soát, cụ thể:

a. Thời hạn đánh giá: tối thiểu 01 (một) lần/năm;

b. Nội dung đánh giá:

i. Việc thực hiện vai trò, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát, tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

ii. Kết quả thực hiện các công việc được phân công.

c. Kết quả đánh giá hàng năm đối với các thành viên Ban kiểm soát sẽ được lấy ý kiến Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị trước khi báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên của Ngân hàng.

3. Đánh giá hàng năm đối với hoạt động của Tổng giám đốc:

Hội đồng quản trị thực hiện đánh giá hàng năm đối với hoạt động của Tổng giám đốc trên cơ sở ý kiến tham mưu của Ủy ban nhân sự, cụ thể:

a. Thời hạn đánh giá: tối thiểu 01 (một) lần/năm;

b. Nội dung đánh giá:

i. Kết quả thực hiện nhiệm vụ điều hành của Tổng giám đốc thông qua việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch của Ngân hàng do Đại hội đồng cổ đông giao;

ii. Kết quả thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

iii. Kết quả thực hiện các kiến nghị của Ban kiểm soát;

iv. Các nội dung khác (nếu có).

c. Kết quả đánh giá hàng năm đối với Tổng giám đốc sẽ được đưa vào Báo cáo của Hội đồng quản trị để báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên của Ngân hàng.

Điều 22. Khen thưởng, trách nhiệm bồi thường thiệt hại đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát; khen thưởng, kỷ luật đối với Tổng giám đốc và người điều hành khác

1. Khen thưởng, trách nhiệm bồi thường thiệt hại đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát:

a. Khen thưởng đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát:

i. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện nhiệm vụ quản trị, kiểm soát ngân hàng, bảo đảm Ngân hàng phát triển ổn định, an toàn, kinh doanh có hiệu quả là cơ sở để được xem xét, khen thưởng cho tập thể hoặc thành viên Hội đồng quản trị, tập thể hoặc thành viên Ban kiểm soát;

ii. Hình thức và mức khen thưởng đối với tập thể hoặc thành viên Hội đồng quản trị, tập thể hoặc thành viên Ban kiểm soát được xác định trên cơ sở tổng mức thù lao, thưởng và các lợi ích liên quan khác hàng năm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ Ngân hàng. Trường hợp mức khen thưởng vượt tổng mức mức thù lao, thưởng và các lợi ích liên quan khác đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua thì sẽ trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.

b. 伍 儀 封脈乾hiệm bồi thường thiệt hại:

i. Thành viên Hội đồng quản trị không thực hiện nghĩa vụ của mình một cách trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn, vi phạm quy định về trách nhiệm của Thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 7 Quy chế này phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới đền bù lợi ích bị mất, trả lại lợi ích đã nhận và bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Ngân hàng và bên thứ ba.

ii. Thành viên Ban kiểm soát không thực hiện nghĩa vụ của mình một cách trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn, vi phạm quy định về trách nhiệm của Thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 3 Điều 15 Quy chế này mà gây thiệt hại cho Ngân hàng hoặc người khác thì Thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm

cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà Thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Ngân hàng.

2. Khen thưởng, kỷ luật đối với Tổng giám đốc và người điều hành khác:

a. Tổng giám đốc, người điều hành khác trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện nhiệm vụ của mình, bảo đảm hoạt động kinh doanh của Ngân hàng hiệu quả là cơ sở để được xem xét, khen thưởng.

Hình thức và mức khen thưởng do Hội đồng quản trị quyết định.

b. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại:

i. Tổng giám đốc không thực hiện nghĩa vụ của mình một cách trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn, vi phạm quy định về trách nhiệm của Tổng giám đốc theo quy định tại điểm khoản 2 Điều 19 Quy chế này phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới đền bù lợi ích bị mất, trả lại lợi ích đã nhận và bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Ngân hàng và bên thứ ba; sẽ bị xem xét xử lý kỷ luật theo quy định của Ngân hàng và pháp luật có liên quan.

ii. Người điều hành khác không thực hiện nghĩa vụ của mình một cách trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ bị xem xét xử lý kỷ luật theo quy định của Ngân hàng và pháp luật có liên quan.

CHƯƠNG III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2024.

2. Quy định chuyển tiếp:

a. Người quản lý, người điều hành và các chức danh tương đương khác của Ngân hàng được bầu, bổ nhiệm trước ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành mà không đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn của Luật Các TCTD và Quy chế này vẫn tiếp tục đảm nhiệm chức vụ cho đến hết nhiệm kỳ hoặc hết thời hạn được bầu, bổ nhiệm.

Hội đồng quản trị của Ngân hàng được bầu trước ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành chưa đáp ứng quy định về cơ cấu nhân sự theo khoản 1 Điều 8 Quy chế này vẫn tiếp tục hoạt động đến hết nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị.

b. Đến ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành, Ban kiểm soát của Ngân hàng có cơ cấu, số lượng nhân sự chưa đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều 15 Quy chế này tiếp tục duy trì số lượng thành viên Ban kiểm soát cho đến hết nhiệm kỳ, trừ trường hợp Ngân hàng bầu bổ sung, thay thế thành viên Ban kiểm soát.

3. Trong trường hợp những quy định của Điều lệ Ngân hàng và pháp luật có liên quan chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Điều lệ Ngân hàng và pháp

luật có liên quan khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của Điều lệ Ngân hàng và pháp luật đó đương nhiên được áp dụng, điều chỉnh đối với việc quản trị Ngân hàng.

4. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này Đại hội đồng cổ đông quyết định.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

DƯƠNG NHẤT NGUYÊN